

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 03/08/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		HSD+AMD+BK14	7:25	4+18+0	0+0+0		4+12+6	0+0+0	
2		P4+TGT H4+TGT H5	7:25	20+1+1	0+0+0		19+1+2	0+0+0	
3		P3+GT C1	9:25	15+5	0+0		16+6	0+0	
4		P6+TTC1+P7	9:25	0+2+12	0+0+0		0+0+22	0+0+0	CHUYEN 2 P6-TTC1
5		PPD+P5+P7	11:25	11+8+0	0+0+0		1+7+14	0+0+0	
6		P5+P4+RP1+RC6	11:25	3+9+9	0+0+0		7+9+1+0	0+0+0	SU CO DIEN RC6

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/08/2020	TO: HSD - AMD - BK14	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: ATUẤN - Hạnh - Luy	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HY TAC SANG	HSD	71-72	2	12		72	TLJOC	Vietnamese
2	NGUYỄN MẠNH HÙNG	HSD	76-77	2	16		80	KH-THAC	Vietnamese
3	HA VAN THUY	HSD	74-75	2	12		75	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ VIỆT PHƯƠNG	HSD	73	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ HAI HÒA	AMD	60-61	2	12		71	VR	Vietnamese
6	PHẠM TUẤN HÀ	AMD	62-63	2	17		70	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG LÊ THANH	AMD	51-52	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ANH KHOA	AMD	57-58	2	10	10	70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐÌNH KHANH	AMD	55	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM ANH NGŨ	AMD	41	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN QUANG THANH	AMD	66	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN CÔNG THANH	AMD	47-48	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN MINH HOANG	AMD	49-50	2	14		85	KH-THAC	Vietnamese
14	NGÔ BA THANH	AMD	33	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ VIỆT THẮNG	AMD	37	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN VINH	AMD	53-54	2	15		60	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG MINH ĐỨC	AMD	42	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN NHẢ	AMD	45-46	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM VIỆT ĐỨC	AMD	38	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TRUNG KIẾN	AMD	39-40	2	12		90	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ QUANG VIỆT	AMD	56	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM THANH HÙNG	AMD	43-44	2	17		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HSD	4	7	45	297	0	4		
2	AMD	18	28	179	1.275	10	12		
3	BK14	0	0	0	0	30	6		
TOTAL		22	35	224	1.572	40	22		
WEIGHT KG				224	1.572	40			

GRAND TOAL: 1.836 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/08/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT:	TO: P4 - TGTH4 - TGTH5	CREW: QViệt - Khang - Năm	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SOKOLUK S. M.	P4	40	1	6		88	KH-THAC	Russian
2	VLASOV A. M.	P4					95	KH-THAC	Russian
3	ĐỖ HỮU NAM	P4	61	1	14	9	69	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN VINH	P4	50	1	5		89	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN ANH ĐỨC	P4	58	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐÀO MINH TUẤN	P4	54	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ VĂN CHIẾN	P4	42	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN THANH SON	P4	43	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG HỒNG VIỆT	P4	59-60	2	12		53	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN DINH TRONG	P4	55	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
11	LÂM VĂN PHÚC	P4	45	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM TRẦN TUẤN AN	P4	47-48	2	11		75	KH-THAC	Vietnamese
13	HOÀNG KHẮC DU	P4	53	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH HẢI	P4	46	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH NAM	P4	57	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN CÔNG TÍNH	P4	44	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ TIẾN DŨNG	P4	49	1	8		87	DNV-GL	Vietnamese
18	NGUYỄN QUANG HUY	P4	51-52	2	10		62	VR	Vietnamese
19	LÂM XUÂN HẢI	P4	56	1	2		64	KH-THAC	Vietnamese
20	MARJIEV M.M-C.	P4	41	1	5		80	KH-THAC	Russian
21	LÊ THANH DANH	TGTH4	63-64	2	9		65	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN VĂN KHÁNH	TGTH5	32	1	6		56	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	20	22	131	1.479	9	19		
2	TGTH4	1	2	9	65	0	1		
3	TGTH5	1	1	6	56	0	2		
TOTAL		22	25	146	1.600	9	22		
WEIGHT KG				146	1.600	9			

GRAND TOAL: 1.755 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/08/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT:	TO: P3 - GTC1	CREW: ATUÂN - Hạnh - Luy	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐO BÁ ĐỘ	P3	34	1	5		60	D-HANH	Vietnamese
2	VU MINH ĐỨC	P3	33	1	5	60	57	D-HANH	<i>SRW</i>
3	NGUYỄN TRỌNG CUÔNG	P3	35	1	5		70	D-HANH	Vietnamese
4	ĐỖ VĂN TỰ	P3	30	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI VĂN THANH	P3	22	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	LAM TUÂN KHAI	P3	23	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ KHAI ĐẠT	P3	26-27	2	15		92	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	P3	25	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN QUANG TRUNG	P3	20	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
10	VĂN MINH TÂN	P3	21	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	CHÂU ĐÌNH TỰ	P3	28	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN CÔNG THANH	P3	31	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG KHANG	P3	29	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM ANH TỰ	P3	24	1	5		70	GETRACO	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN QUYNH	P3	32	1	5		65	GETRACO	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU SANG	GTC1	84-85	2	17		65	D-HANH	Vietnamese
17	VŨ TRUNG KIẾN	GTC1	08-09	2	17		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TIẾN QUY	GTC1	83	1	5	40	80	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH TRUNG	GTC1	02	1	12		72	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TÂN PHONG	GTC1	91	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	15	16	85	1.029	60	16		
2	GTC1	5	7	56	347	40	6		
TOTAL		20	23	141	1.376	100	22		
WEIGHT KG				141	1.376	100			

GRAND TOAL: 1.617 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/08/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:45
FLIGHT:	TO: P6 - TTC1 - P7	CREW: QViệt - Khang - Năm	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HỮU NHÂN	TTC1	300	1	5	30	72	NIPI	Vietnamese
2	ĐOÀN TIẾN LỬ	TTC1	73	1	8		67	NIPI	Vietnamese
3	LUƠNG QUỐC VƯƠNG	P7	54	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐINH HOÀI NAM	P7				20	87	KH-THAC	Vietnamese
5	MAI VĂN SƠN	P7	57	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
6	MAI CÔNG LAN	P7	53	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN TIẾN HIỆP	P7	55	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
8	TRỊNH VĂN PHƯỢNG	P7				85	78	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM NGỌC SƠN	P7					74	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐOÀN ĐÌNH PHẠC	P7	56	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
11	LÂM ĐĂNG GIANG	P7					75	KH-THAC	Vietnamese
12	SAGIROV M. S.	P7	50	1	10		73	KH-THAC	Russian
13	ĐÀO TUẤN CHỮ	P7	51	1	2		70	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐÌNH HỌC	P7	52	1	7		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	0	0	0	0	0	1	43	CHUYỂN 3 PAX P6 SANG TTC1
2	TTC1	2	2	13	139	30	0		
3	P7	12	8	46	868	105	21		
TOTAL		14	10	59	1.007	135	22		
WEIGHT KG				59	1.007	135			

GRAND TOAL: 1.201 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/08/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:50
FLIGHT:	TO: PPD - P5 - P7	CREW: Hạnh - Dương - QTrưởng	ETA: 13:30
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MẠNH HIỀN	PPD	05-06	2	17		80	XAYLAP	Vietnamese
2	TÔNG VĂN ĐỨC	PPD	02	1	8	60	75	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN QUỐC THỊNH	PPD	03-04	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
4	HÀ XUÂN THANH	PPD	07-08	2	17		71	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN THẾ ANH	PPD	09-10	2	17		86	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN TRI TIỀN	PPD	21	1	5		70	DUY LINH	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU HOÀNG	PPD	14	1	10		54	DUY LINH	Vietnamese
8	LÊ VĂN TÀI	PPD	11-12	2	16		90	DUY LINH	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN HÒA	PPD	13	1	15		56	DUY LINH	Vietnamese
10	NGÔ VĂN TRIỆU	PPD	15-16	2	12		70	DUY LINH	Vietnamese
11	TÀNG THAI THAO	PPD	17	1	5		60	DUY LINH	Vietnamese
12	NGUYỄN HOANG VIỆT	P5	52	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐÀO ĐÌNH HUY	P5	48	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
14	TÔNG XUÂN SINH	P5	49-50	2	17		67	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN ĐÌNH TỰ	P5	46	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TUẤN MINH	P5	51	1	10		84	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN NGỌC	P5	47	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	LƯƠNG VĂN THANH	P5	53	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN CAO MẠNH	P5	54	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	11	17	139	772	60	1		
2	P5	8	9	66	581	0	6		
3	P7	0	0	0	0	10	15		
TOTAL		19	26	205	1.353	70	22		
WEIGHT KG				205	1.353	70			

GRAND TOAL: 1.628 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/08/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:55
FLIGHT:	TO: P5 - P4 - RP1 - RC6	CREW: Khang - CHIẾN - DTùng	ETA: 13:35
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN QUỲ TRUNG	P5	89	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
2	LE QUANG THĂNG	P5	93	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ PHƯƠNG HƯƠNG	P5	88	1	5	25	65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN TOÀN	P5	91	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
5	HUỶNH BÀ NINH	P5	85	1	10		55	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HOÀNG	P5	92	1	12		74	DVL	Vietnamese
7	ĐẶNG TRONG THỨC	P5	90	1	5		70	DVL	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HIẾU	P5	84	1	13		85	DVL	Vietnamese
9	NGUYỄN THIỆU BÌNH	P5	86-87	2	14		62	DVL	Vietnamese
10	TRƯƠNG ĐÌNH MINH	P4	67	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐÌNH VĂN TOÀN	P4	66	1	8		57	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HỮU THÀNH	P4					68	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM NGỌC HÙNG	P4	64	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HÙNG BAY	P4	65	1	9		71	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN THUONG	P4	63	1	2		73	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐOÀN VĂN TRỰC	P4	68	1	5		70	KHI	Vietnamese
17	PHẠM THẾ VINH	P4	69-70	2	10		97	NIPI	Vietnamese
18	HỒ DIỄN BAO	P4	71-72	2	15		59	PVGAS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	9	10	74	613	25	9		CHUYEN 2PAX+150KG TU RP1 SANG RC6
2	P4	9	10	58	621	0	9		
3	RP1	0	0	0	0	0	1+2	+150 KG	
4	RC6	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		18	20	132	1.234	25	19		
WEIGHT KG				132	1.234	25			

GRAND TOAL: 1.391 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN